

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2019/DS-PT

Ngày: 14-11- 2019.

*“Tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay T1 sản và góp hụi”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Chiến.

Các Thẩm phán: + Bà Phạm Thị Thanh Giang;
+ Bà Lê Thị Thu Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Sinh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 346/2019/TLPT-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019. Do bản án dân sự số: 28/2019/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 313/2019/QĐ-PT ngày 29 tháng 10 năm 2019. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Hoa Thùy T, sinh năm 1973; trú tại: Khu phố N, phường X, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; cùng trú tại: Ấp Y, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T1 là bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1962; trú tại: Ấp Y, xã B, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 02-01-2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị T2 là Luật sư Dương Mỹ H, sinh năm 1960 Văn phòng luật sư PH, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Hoa Thùy T trình bày:

Bà quen biết với bà T2 vì bà T2 buôn bán trước nhà bà. Trong thời gian quen biết ông T1, bà T2 có vay của bà nhiều lần với tổng số tiền là: 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) cụ thể như sau:

- Ngày 02-10-2017 ông T1, bà T2 có vay của bà T 10.000.000 đồng;
- Ngày 11-10-2017 ông T1 bà T2 có vay của bà T 10.000.000 đồng;
- Ngày 14-10-2017 ông T1 bà T2 có vay của bà T 20.000.000 đồng;
- Ngày 18-10-2017 ông T1 bà T2 có vay của bà T 10.000.000 đồng;
- Ngày 03-6-2018 ông T1 bà T2 có vay của bà T 100.000.000 đồng.

Trong giấy nợ 100.000.000 đồng ông T1, bà T2 hẹn với bà sẽ bán đất và nhà trả tiền cho bà, không thỏa thuận tiền lãi.

Ngoài ra, ngày 06-4-2018 (âm lịch), bà T2 nhờ bà chơi 01 phần hội tháng do bà N làm chủ hội đây hội 5.000.000 đồng, bà kêu và hốt được số tiền 76.000.000 đồng, bà N trừ tiền còn 2.500.000 đồng, còn lại 73.500.000 đồng, bà đã giao lại tiền và giấy tính tiền hội cho bà T2 tại nơi bà T2 buôn bán, không có làm giấy nhưng có chủ hội là bà N biết. Sau đó, bà T2 đóng hội chết cho bà N được 05 lần thì ngưng còn nợ lại 14 lần hội chết. Từ tháng 10-2018 cho đến nay bà phải đóng hội chết cho bà N. Như vậy tiền hội chết 14 lần bà T2 còn thiếu lại là 70.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu ông T1, bà T2 trả tổng số tiền là 220.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và là người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn T1 trình bày:

Bà thừa nhận vợ chồng bà có vay tiền của bà T nhiều lần sau đó làm giấy nợ vay tiền là: 100.000.000 đồng. Ngoài ra bà có nhờ bà T chơi dùm 01 dây hụi 5.000.000 đồng/tháng do bà N làm chủ hụi, bà có nghĩa vụ đóng tiền hụi hàng tháng cho bà N đến khi mãn. Khi bà T hốt hụi được số tiền 76.000.000 đồng, trừ tiền còn 2.500.000 đồng còn lại 73.500.000 đồng, bà yêu cầu trừ qua số tiền bà vay của bà T là: 100.000.000 đồng, bà còn thiếu lại bà T số tiền là: 26.500.000 đồng, cộng với tiền hụi chết 70.000.000 đồng bà thừa nhận còn nợ bà T số tiền tổng cộng là: 96.500.000 đồng. Trong đó, số tiền hụi 70.000.000 đồng.

Bà không thừa nhận vay của bà T số tiền số tiền 50.000.000 đồng; bà thừa nhận chữ viết của bà nhưng bà viết dùm bà T cho bà Th, bà N1, bà T3 vay, bà không vay nên bà không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2019/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tuyên xử:

Căn cứ Khoản 2 Điều 229; Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, 466, 470, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hoa Thùy T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay T1 sản và góp hụi”.

Buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Hoa Thùy T số tiền 146.500.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Trong đó 30.000.000 đồng tiền hụi trả mỗi tháng 5.000.000 đồng bắt đầu từ tháng 6-2019 (âm lịch) cho đến tháng 11-2019 (âm lịch).

Không chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu ông T1, bà T2 trả cho bà T 73.500.000 đồng.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, bà Nguyễn Thị T2 làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Kháng cáo một phần bản án sơ thẩm bà T2 không chấp nhận trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng mà bà T cho bà Th, bà N1 và bà T3 mượn bà T2 chỉ viết giấy dùm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T2 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T2 trình bày: Bà T2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc vợ chồng bà T2, ông T1 trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng. Đây là tiền bà Th, bà T3 và bà N1 nợ bà T chứ không phải bà T2 nợ, bà T2 chỉ là người viết giấy dùm. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T2, sửa án sơ thẩm.

Bà T cho rằng bà có cho bà T2 mượn tiền và bà T2 viết giấy mượn tiền và nhận tiền nên cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà T2, ông T1 trả số tiền 50.000.000 đồng là đúng nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về vụ án:

Thẩm phán thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa phúc thẩm dân sự. Các bên đương sự đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên bản án sơ thẩm có điều chỉnh phần tiền hội buộc ông T1, bà T2 trả một lần cho bà T là 70.000.000 đồng, vì đây hội đã kết thúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét kháng cáo, nghe lời trình bày của đương sự trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà T cho rằng vợ chồng ông T1, bà T2 có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng.

Ngoài số tiền vay trên bà T2, ông T1 còn thiếu tiền hụi chết 14 lần (hụi 5.000.000 đồng/tháng) thành tiền là: 70.000.000 đồng.

Bà T yêu cầu ông T1, bà T2 trả số tiền 220.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi suất.

[2] Ông T1, bà T2 thừa nhận có vay của bà T tổng cộng số tiền là: 100.000.000 đồng và tiền hụi chết là: 70.000.000 đồng, nhưng khi hốt hụi được số tiền là: 76.000.000 đồng trừ tiền có 2.500.000 đồng còn lại số tiền là: 73.500.000 đồng bà T lấy trừ tiền hụi trừ vào số tiền bà T2 thiếu là: 100.000.000 đồng, bà T2 còn nợ số tiền vay bà T là: 26.500.000 đồng và tiền hụi chết 70.000.000 đồng. Bà T2, ông T1 chấp nhận còn nợ bà T số tiền là: 96.500.000 đồng.

[3] Về chứng cứ bà T cung cấp thấy rằng: Ngoài giấy thiếu nợ do vợ chồng ông T1, bà T2 lập ngày 03-6-2018 (BL số 39) có vay của bà T số tiền 100.000.000 đồng ra thì bà T2 có vay của bà T 04 lần, cụ thể bà T2 viết (BL số 41) như sau:

- Ngày 02-10-2017, T2 mượn 10.000.000 đồng (cho Th);
- Ngày 11-10-2017, T2 mượn 10.000.000 đồng (cho Th);
- Ngày 14-10-2017, T2 mượn 20.000.000 đồng (cho N1);
- Ngày 18-10-2017, T2 mượn 10.000.000 đồng (cho T3).

Bà T2 xác nhận chữ viết là của bà, bà cũng là người đóng tiền lãi cho bà T. Và tại biên bản hòa giải lập ngày 11-4-2019 (BL số 60), bà T2 thừa nhận còn nợ bà T tiền vay là 150.000.000 đồng, tiền hụi là 70.000.000 đồng tổng cộng là 220.000.000 đồng. Khấu trừ tiền hụi bà T đã hốt được 73.500.000 đồng nên vợ chồng bà còn nợ bà T là 146.500.000 đồng. Do đó cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu của bà T, buộc vợ chồng bà T2, ông T1 trả cho bà T số tiền 146.500.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Bà T2 kháng cáo không chấp nhận trả cho bà T số tiền 50.000.000 đồng nhưng bà không cung cấp được chứng cứ mới, hoặc tình tiết mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà T2.

[5] Đối với tiền hụi tính đến tháng 11-2019 đã kết thúc dây hụi nên buộc bà T2, ông T1 trả cho bà T số tiền hụi là 70.000.000 đồng.

[6] Về án phí: Do kháng cáo của bà T2 không được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T2, giữ nguyên Bản án dân sự số: 28/2019/DS-ST ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Áp dụng các Điều 463, 465, 466, 468, 611, 613, 614 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 30 Nghị định số 144/NĐ-CP ngày 27-11-2006 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về miễn giảm thu nộp án phí, lệ phí Tòa án, án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Hoa Thùy T.
2. Buộc ông Huỳnh Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Hoa Thùy T số tiền 146.500.000 đồng (một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà T2, ông T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà T về việc yêu cầu ông T1, bà T2 trả cho bà T số tiền 73.500.000 đồng.

4. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

ông Huỳnh Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 7.325.000 (bảy triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trong đó phần ông T1 3.662.500 đồng nhưng ông T1 là người cao tuổi được miễn án phí, bà T2 phải chịu là 3.662.500 đồng.

Bà Huỳnh Hoa Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.675.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.500.000 (năm triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0019208 ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 1.825.000 đồng.

- Về án phí phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0006167 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- Phòng KTNV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

LÊ HỮU CHIẾN